TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 03 - 5 - 2019
V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2019/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc:*"Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn"*. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Hoài H, sinh năm 1962 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1961 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Hoài H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Đoàn Hoài H trình bày:* Năm 2011, ông Nguyễn Ngọc A và bà ly hôn do Tòa án nhân dân huyện U giải quyết. Về tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó phân chia quyền sử dụng đất rừng giao khoán của Lâm ngư trường U tại khoảnh 07, tiểu khu 09 liên tiểu khu S có tổng diện tích là 108,509 m^2. Cụ thể ngày 07/6/2017 Công ty Lâm nghiệp U giải quyết việc chia đất giao khoán giữa bà với ông A và ông A đồng ý giao đất rừng cho bà, như vậy về phần đất rừng đã thỏa thuận xong.

Vợ chồng còn phần đất thổ cư tại tiểu khu 09, thuộc tiểu khu S ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau có diện tích ngang 122m, dài 50m, tổng diện tích 6.100 m^2, bà yêu cầu ông A chia phần đất thổ cư nhưng ông A không đồng ý; do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật là phần đất thổ cư có diện tích 6.100 m^2 tại ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc A trình bày:* Ông và bà H thỏa thuận ly hôn vào năm 2011, con giao cho ông nuôi dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận. Phần đất rừng đã thỏa thuận chia hai và đã chia xong.

Ngoài ra, tài sản chung gồm có phần đất thổ cư chiều ngang 122m, chiều dài 50m, 01 căn nhà. Đã thỏa thuận phân chia bằng văn bản, bà H nhận phần đất có chiều ngang 40,7m, dài 50m; phần đất còn lại chiều ngang khoảng 81m, dài 50m thuộc về ông Hận vì ông trực tiếp nuôi con. Trên phần đất của ông có căn nhà xây cất từ năm 2004, sau khi chia đất thì ông trồng trọt, đầu tư trên đất. Nay bà H yêu cầu ông phải giao thêm cho bà chiều ngang 20m, dài 50m ông A không đồng ý. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu bà H và giao phần đất liền kề với phần đất của bà H đang quản lý dẫn đến phải di dời nhà thì ông yêu cầu bà H phải trả lại giá trị nhà và giá trị ông đã đầu tư cải tạo trên đất theo giá của Công ty định giá với tổng số tiền 115.100.000 đồng.

- *Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà kết hôn với ông A vào năm 2013 nhưng chung sống vào năm 2012 tại căn nhà của ông A ở ấp 15, xã Nguyễn P, huyện U, tỉnh Cà Mau. Đối với yêu cầu của bà H, nếu Tòa án chia phần đất và giao phần đất có liên quan với căn nhà hiện nay vợ chồng bà đang ở thì bà thống nhất theo lời trình bày của ông A. Bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện huyện U quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

33 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Hoài H đối với ông Nguyễn Ngọc A về việc chia tài sản chung.

Buộc ông Nguyễn Ngọc A giao cho bà Đoàn Hoài H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.015 m^2 (chiều ngang 20,3m; chiều dài 50m, tại ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau) bằng 42.758.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc A trả cho bà Đoàn Hoài H 3.500.000 đồng chi phí tố tụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/01/2019 bà Đoàn Hoài H có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Nguyễn Ngọc A phải giao cho bà phần đất được chia có diện tích ngang 20,3m, dài 50m tại ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau. Bà H đồng ý trả cho ông A số tiền là 73.500.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bà Đoàn Hoài H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Ông A đồng ý giao phần đất như bà H yêu cầu nhưng phải giao trả lại tiền giá trị căn nhà và cây trồng như định giá tài sản là 115.100.000 đồng, ông không đồng ý tháo dỡ căn nhà.

Bà L thống nhất với ý kiến của ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà H: Bà H yêu cầu được nhận phần diện đất và đồng ý giao cho ông A 73.500.000 đồng, ông A phải tháo dỡ, di dời căn nhà. Bà không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng (QSD) đất bằng 42.758.000 đồng.

Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ, nhận thấy QSD đất các đương sự tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 1.015 m^2 (chiều ngang 20,3 mét chiều dài 50 mét) tại ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của bà

H, ông A. Phần đất này nằm trong tổng diện tích đất có chiều ngang khoảng 122m, dài 50m; Tại thời điểm ly hôn năm 2011 thì hai đương sự chưa chia tài sản chung nhưng sau đó vào năm 2013 hai đương sự đã lập văn bản về việc phân chia cụ thể: Bà H nhận phần đất chiều ngang 40m; ông A nhận phần đất có chiều ngang hơn 80m vì ông A trực tiếp nuôi con là H1. Lý do bà H khởi kiện yêu cầu ông A chia thêm QSD đất là vì hiện tại cháu H1 về ở với bà H. Với lý do này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc cháu H1 về ở với bà H là ý muốn của cháu chứ không phải ông A không cho cháu ở hoặc ông A có hành vi xua đuổi; mặt khác, hai đương sự đã lập văn bản thỏa thuận về việc phân chia trên cơ sở tự nguyện và các bên đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2013 đến nay. Sau khi phân chia thì ông A đã trồng cây, đầu tư trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A vẫn đồng ý giao phần đất cho bà H nhưng bà H phải nhận căn nhà và giao trả lại giá trị căn nhà, giá trị đầu tư trên đất theo như kết quả định giá nhưng bà H không đồng ý mà buộc ông A phải di dời nhà. Với yêu cầu này, ông A không đồng ý và Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận, vì căn nhà xây cất bằng cây gỗ địa phương nếu tháo dỡ sẽ mất đi giá trị sử dụng sẽ gây thiệt hại cho đương sự trong khi ông A không có lỗi và ông A vẫn đồng ý chia thêm và giao QSD đất theo yêu cầu của bà H. Ông A yêu cầu bà H nhận QSD đất thì nhận căn nhà trên đất là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định pháp luật nhưng bà H không đồng ý. Do đó, không có căn chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông A giao cho bà H giá trị QSD đất theo kết quả định giá bằng 42.758.000 đồng.

[2]. Từ những phân tích trên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện U.

[3]. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông A giao cho bà H giá trị QSD đất bằng 42.758.000 đồng và chi phí tố tụng nhưng không tuyên về lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là thiếu sót nên bản án phúc thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Hoài H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Hoài H đối với ông Nguyễn Ngọc A về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Buộc ông A giao cho bà H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.015 m^2 (chiều ngang 20,3 mét; chiều dài 50 mét) tại ấp 15, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau với số tiền là 42.758.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng)*.

Buộc ông A giao trả cho bà H 3.500.000 đồng chi phí tố tụng.

Ngoài ra, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp ông A chậm thi hành các khoản tiền thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 2.137.900 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 1.520.000 đồng tại biên lai số 0011449 ngày 28/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U được đối trừ, phải nộp tiếp 617.900 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà H chịu 300.000 đồng, đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai số 0004172 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền